

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 19/2024/DS-ST

Ngày: 22-01-2024

V/v “*Tranh chấp chuyển giao
nghĩa vụ*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phú Hoa

Ông Nguyễn Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Từ Thị S, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 488 đường H, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 15 đường S, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1952, địa chỉ: Số 606 đường T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Bà Quyên có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 16/01/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Từ Thị S trình bày:

Mẹ chồng bà là bà Huỳnh Thị Q với bà Đ có mối quan hệ như thế nào bà không biết, nhưng bà có đưa cho bà Q mượn 700.000.000 đồng để bà Q làm ăn. Sau đó, bà yêu cầu bà Q trả số tiền này cho bà thì bà Q nói không có tiền trả và bà Q nói hiện nay bà Q bị đau, lại lớn tuổi và hiện bà Đ có nợ của bà Q 1.150.000.000 đồng nên bà Đ sẽ viết giấy nợ cho bà S 1.150.000.000 đồng, nghĩa là thay vì bà Q trả tiền mượn cho bà, bà Đ trả tiền bà Đ nợ của bà Q thì bà Đ sẽ viết giấy mượn tiền của bà và trả nợ cho bà, chứ bà Đ không có mượn tiền của bà. Do đó ngày 20/3/2022, ba bên gồm bà Q, bà Đ và bà cùng gặp nhau và thống nhất là bà Đ viết giấy mượn của bà 1.150.000.000 đồng và bà Đ chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà. Sau khi bà

Đ trả tiền cho bà thì bà sẽ trừ số tiền bà Q mượn của bà và bà sẽ đưa số tiền còn lại cho bà Q để bà Q trừ số tiền bà Đ nợ của bà Q. Việc bà Đ viết giấy mượn tiền của bà là tự nguyện, không bị ai ép buộc, nhưng sau khi viết giấy mượn tiền thì khi đến thời hạn trả bà Đ không trả tiền cho bà. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả cho bà số tiền 1.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 và tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quy định của Nhà nước. Bà Đ cho rằng không nợ của bà số tiền này là không đúng, nếu bà Đ không nợ bà Q 1.150.000.000 đồng thì bà Đ sẽ không viết giấy mượn của bà số tiền này. Bà thừa nhận trước khi bà Đ viết giấy mượn tiền của bà thì bà Đ có chuyển vào tài khoản của bà 70.000.000 đồng để trả tiền lãi cho bà Q, còn thời gian trả cụ thể thì bà không nhớ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S, vì bà không có mượn tiền của bà S, việc bà viết giấy mượn tiền của bà S vào ngày 20/3/2022 là do bà có quan hệ bạn bè, chơi biêu với mẹ chồng của bà S là bà Huỳnh Thị Q (tên thường gọi là H) từ khoảng mười mấy năm trước. Mỗi năm bà chơi 1 chân biêu do bà Q cầm cái, mỗi chân biêu gồm 12 người chơi, mỗi tháng mỗi người góp vào 20.000.000 đồng, tổng cộng 12 người chơi góp vào 240.000.000 đồng. Vào khoảng năm 2009 - 2010, bà có hót 1 chân biêu, bà là người hót biêu đầu tiên, số tiền là hơn 190.000.000 đồng. Sau đó bà chưa nộp vào 09 tháng còn lại nên bà nợ bà Q 180.000.000 đồng, hàng tháng bà chưa nộp tiền biêu đã hót thì bà Q tính lãi và mỗi tháng bà Quyên yêu cầu bà trả lãi từ 12.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng. Do bà Quyên tính lãi cao nên bà không có khả năng trả số tiền này, khi chưa trả được lãi thì bà Quyên tiếp tục tính lãi của số tiền nợ lãi chưa trả vào tiền gốc, tuy nhiên khi bà trả tiền lãi cho bà Quyên thì hai bên không có viết giấy tờ gì. Đến ngày 08/02/2021, bà có nhờ con rể là Trịnh H chuyển trả qua tài khoản của bà Từ Thị S 70.000.000 đồng (01 lần 50.000.000 đồng và 01 lần 20.000.000 đồng) để trả tiền lãi cho bà Q. Khoảng năm 2021 (sau dịch covid), bà Q nói với bà hiện nay bà không trả được nợ cho bà Q nhưng gia đình bà có đất đai nhiều, nên bà Q nói bà viết giấy nhận nợ cho con dâu của bà Q là bà Từ Thị S, vì bà Q nói bà S rất hung để bà S đến nhà bà đòi nợ thì chồng bà vì sĩ diện sẽ trả nợ cho bà S, sau đó bà S lấy số tiền này đưa cho bà Q, bà Q sẽ trừ 180.000.000 đồng mà bà nợ bà Q, còn bao nhiêu thì bà Q sẽ đưa cho bà để bà chi tiêu cá nhân, bà nghe bà Q nói có lý và nghĩ bà Q muốn giúp mình nên ngày 20/3/2022 bà đã viết giấy mượn bà S 1.150.000.000 đồng, nhưng nay bà S lại lấy giấy này khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền này thì bà không đồng ý, vì bà không có mượn tiền của bà S và bà Q. Tuy nhiên, bà thừa nhận Giấy mượn tiền 20/3/2022 là do bà tự viết, tự ký, không bị ai ép buộc. Đối với Giấy mượn tiền cũng ghi ngày 20/3/2022 mà bà Q cung cấp cho Tòa án vào ngày 29/11/2023, trong đó có nội dung bà mượn bà Q 40.000.000 đồng, tuy nhiên đây không phải là tiền bà mượn của bà Q mà là tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng tiền biêu mà bà nợ của bà Q. Do đó, bà chỉ nợ bà Q 180.000.000 đồng tiền biêu và 40.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 220.000.000 đồng và nợ tiền lãi của bà Q từ ngày 20/3/2022 đến nay. Nếu bà Q yêu cầu bà trả số tiền này và

tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến nay thì bà đồng ý trả. Vào ngày 29/12/2023, bà có nộp cho Tòa án bản photo Giấy ghi ngày 10/12 Âm lịch nhưng không có ghi năm, trong đó có nội dung ghi việc chơi biếu giữa bà và bà Q, tuy nhiên giấy này không có liên quan gì đến 02 Giấy mượn tiền ghi ngày 20/3/2022, trong đó 01 giấy ghi bà mượn của bà S 1.150.000.000 đồng và 01 giấy ghi bà mượn của bà H 40.000.000 đồng (bà H là bà Q), mục đích bà nộp giấy này là để chứng minh trước đây giữa bà và bà Q có chơi biếu với nhau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Q trình bày:* Bà thừa nhận trước đây bà và bà Đ có chơi biếu với nhau, tuy nhiên việc chơi biếu này từ rất lâu rồi (khoảng mười mấy năm) và hai bên đã tính toán xong. Đến năm 2017, bà Đ mượn của bà 1.000.000.000 đồng, khi mượn thì bà Đ có viết giấy mượn tiền và hai bên thỏa thuận bà Đ trả lãi cho bà với mức lãi là 1%/1 tháng. Khi mượn tiền thì bà Đ nói nếu sau này bà muốn lấy đất thì bà Đ cần đất qua bà vì bà Đ có rất nhiều đất. Đến tháng 4/2018, hai vợ chồng bà Đ nói có mảnh đất ở Tam Phú, Tam Kỳ và bà Đ có đưa cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mảnh đất này và nói sẽ cần mảnh đất này qua cho bà để trừ tiền nợ, nhưng khi xem thì bà thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H và bà Q, nên bà đã nhờ ông L, làm ở văn phòng công chứng xuống nhà ông H để công chứng việc chuyển nhượng đất từ ông H qua cho bà, nhưng ông H không đồng ý vì đòi bà Đ trả thêm tiền, nên việc chuyển nhượng đất không thành. Sau đó, bà Đ không trả tiền lãi cho bà từ tháng 4/2018 đến tháng 02/2019, nên bà Đ nợ bà 100.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng bà Đ nợ của bà 1.100.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ tiếp tục trả lãi cho bà, nhưng từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021 bà Đ không trả lãi, nên bà Đ nợ bà 99.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó, bà Đ chuyển qua tài khoản cho con dâu bà là bà S 70.000.000 đồng để trả tiền lãi cho bà, nên bà Đ còn nợ bà 29.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 4/2021, bà Đ có trả tiền lãi cho bà nhưng bà không nhớ cụ thể bao nhiêu, nhưng đến tháng 3/2022 giữa bà và bà Đ thỏa thuận là bà Đ nợ bà 90.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, bà Đ nợ bà tổng cộng là 1.190.000.000 đồng. Thời điểm này bà bị u tuyến giáp, không có tiền đi mổ nên bà nói bà Đ trả tiền cho bà đi mổ u. Sau đó, bà Đ đến nhà của bà thì bà nói với bà Đ thôi để bà ủy quyền cho con dâu bà là bà S đòi nợ bà Đ, nhưng bà Đ không đồng ý vì ngại phải ra phường làm giấy tờ, nên bà Đ nói thôi để bà Đ viết giấy nhận nợ cho con dâu bà là Từ Thị S số tiền 1.150.000.000 đồng, còn bà Đ sẽ viết giấy nợ bà số tiền 40.000.000 đồng và sẽ trả trước 40.000.000 đồng này cho bà để bà đi mổ u. Trước đây bà khai nhầm là bà Đ không đồng ý viết giấy mượn số tiền 1.190.000.000 đồng mà chỉ đồng ý viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng và viết giấy mượn bà 40.000.000 đồng, chứ thực tế là bà Đ nói chưa trả được 1.150.000.000 đồng, nên ghi mượn bà S số tiền này để sau này trả cho bà S, còn bà Đ ghi mượn của bà 40.000.000 đồng để trả trước cho bà đi chữa bệnh. Sau khi chuyển số tiền bà Đ nợ của bà qua bà S thì bà đã đưa lại giấy mà bà Đ viết mượn của bà 1.000.000.000 đồng, nên bà không còn giữ giấy mượn tiền này. Bà Đ cho rằng không nợ của bà số tiền này là không đúng, vì bà Đ không nợ của bà số tiền này thì bà Đ sẽ không bao giờ viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng và viết giấy mượn của bà số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 20/3/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Từ Thị S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Đ có địa chỉ tại phường H, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam trả tiền nợ theo Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định bà Đ không có mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 và bà S cũng không cho bà Đ mượn số tiền này, nhưng theo trình bày của bà S và bà Q thì do bà Q nợ bà S số tiền 700.000.000 đồng và bà Đ nợ bà Q số tiền 1.190.000.000 đồng, nên ngày 20/3/2022 ba bên đã gặp nhau và thống nhất bà Đ viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng, sau khi bà Đ trả tiền cho bà S thì bà S sẽ trừ số tiền bà Q mượn của bà S và bà S sẽ đưa số tiền còn lại cho bà Q để bà Q trừ số tiền bà Đ nợ của bà Q, nên đây không phải là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vì thực tế bà Đ không có mượn tiền của bà S. Việc bà Đ viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng vào ngày 20/3/2022 là sự thỏa thuận chuyển nghĩa vụ (*chuyển nghĩa vụ trả tiền*) từ bà Q sang cho bà Đ, theo đó bà Đ là người thế nghĩa vụ, nhưng sau khi viết giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 thì khi đến thời hạn bà Đ không trả số tiền này cho bà S, nên đây là tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ*” theo Điều 370 Bộ luật Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Q có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Từ Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Đ phải trả cho bà S số tiền 1.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 và tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (*ngày 22/01/2024*) với mức lãi suất quy định của Nhà nước, vì bà S cho rằng bà đưa cho mẹ chồng là bà Huỳnh Thị Q mượn 700.000.000 đồng để bà Q làm ăn. Sau đó, bà yêu cầu bà Q trả số tiền này thì bà Q nói không có tiền trả và bà Q nói bà Q đang bị đau, lại già cả và nói bà Đ có nợ của bà Q 1.150.000.000 đồng, nên bà Đ sẽ viết giấy nợ bà S số tiền này, nghĩa là thay vì bà Q trả tiền mượn cho bà S, bà Đ trả tiền bà Đ nợ của bà Q thì bà Đ sẽ viết giấy mượn tiền của bà S và chịu trách nhiệm trả tiền cho bà S. Do đó, vào ngày 20/3/2022, ba bên gồm bà Q, bà Đ và bà S cùng gặp nhau và thống nhất bà Đ

viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng, nhưng khi đến thời hạn thì bà Đ không trả tiền này cho bà S. Còn bà Đ thì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S về yêu cầu bà trả cho bà S 1.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022, vì bà Đ cho rằng bà không có mượn tiền của bà S và bà Q. Việc bà viết giấy mượn tiền của bà S vào ngày 20/3/2022 là do bà có chơi biếu với bà Q từ lâu rồi, khi chơi biếu thì bà có nợ bà Q 180.000.000 đồng (*là tiền bà hót biếu của bà Q*), khi bà chưa nộp tiền biếu đã hót thì bà Q yêu cầu bà trả lãi từ 12.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng/1 tháng. Khoảng năm 2021, thì bà Q nói với bà hiện bà không trả được nợ cho bà Q nhưng gia đình bà có đất đai nhiều, nên nói bà viết giấy mượn bà S 1.150.000.000 đồng, để bà S đến nhà bà đòi thì chồng bà vì sợ diện sẽ trả tiền cho bà S. Sau đó bà S lấy số tiền này đưa cho bà Q, bà Q sẽ trừ 180.000.000 đồng bà nợ của bà Q, còn bao nhiêu thì bà Q sẽ đưa cho bà để bà chi tiêu cá nhân. Đối với Giấy mượn tiền ghi ngày 20/3/2022 mà bà Q cung cấp cho Tòa án vào ngày 29/11/2023, trong đó có nội dung bà mượn bà Q 40.000.000 đồng, nhưng số tiền này không phải bà mượn của bà Q mà là tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng và bà Đ cho rằng bà chỉ còn nợ của bà Q 180.000.000 đồng tiền biếu và 40.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 220.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/3/2022 đến nay.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận bà Đ không có mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 và bà S cũng không cho bà Đ mượn số tiền này, nhưng các bên đều thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 là do bà Đ tự viết, tự ký và không bị ai ép buộc. Tuy nhiên, theo trình bày của bà S và bà Q thì do bà Q nợ bà S số tiền 700.000.000 đồng và bà Đ nợ bà Q số tiền 1.190.000.000 đồng, nên ngày 20/3/2022 ba bên đã gặp nhau và thống nhất bà Đ viết giấy mượn của bà Từ Thị S số tiền 1.150.000.000 đồng, sau khi bà Đ trả tiền cho bà S thì bà S sẽ trừ số tiền bà Q mượn của bà S và bà S sẽ đưa số tiền còn lại cho bà Q để bà Q trừ số tiền bà Đ nợ của bà Q. Ngoài ra thì cũng trong ngày này bà Đ còn viết giấy mượn bà Q số tiền 40.000.000 đồng. Nội dung trình bày của bà S và bà Q phù hợp với 02 Giấy mượn tiền cùng ghi ngày 20/3/2022, trong đó 01 giấy có nội dung bà Đ mượn của bà S 1.150.000.000 đồng và 01 giấy có nội dung bà Đ mượn của bà H (*bà H là bà Q*) 40.000.000 đồng. Như vậy, việc ba bên cùng gặp nhau và thống nhất bà Đ viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng là sự thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ, việc thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, theo đó bà Đ là người thế nghĩa vụ, nên bà Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.150.000.000 đồng cho bà S theo quy định tại khoản 2 Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể tại điều luật quy định:

1. *“Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.”*

2. *Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.”*

Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, bà Đ cho rằng bà viết giấy mượn bà S số tiền 1.150.000.000 đồng vào ngày 20/3/2022 là theo yêu cầu của bà Q và hiện bà

chỉ nợ bà Q số tiền 220.000.000 đồng, nhưng ngoài lời khai này ra thì bà Đ không có chứng cứ gì chứng minh và quá trình giải quyết vụ án bà Đ cũng thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022 là do bà tự nguyện viết và ký vào. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà S về việc buộc bà Đ phải trả cho bà S số tiền 1.150.000.000 đồng là có cơ sở, cần chấp nhận. Tuy nhiên, đối với yêu cầu của bà S về việc buộc bà Đ phải trả tiền lãi của số tiền 1.150.000.000 đồng từ ngày 20/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/01/2024 theo lãi suất quy định của Nhà nước, thì thấy tại Giấy mượn tiền ngày 20/3/2022, không thể hiện các bên có thỏa thuận về lãi suất, nhưng có ghi thời hạn trả tiền là ngày 20/12/2022, như vậy hết thời hạn này mới bắt đầu tính lãi, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời gian chậm trả bắt đầu từ ngày 21/12/2022 đến ngày 22/01/2024 là 13 tháng với số tiền là 12.458.000 đồng ($1.150.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 10\%/1 \text{ năm} = 12.458.000 \text{ đồng}$). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà S về yêu cầu bà Đ trả cho bà S số tiền 1.150.000.000 và tiền lãi 12.458.000 đồng, tổng cộng là 1.162.458.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về yêu cầu bà Đ phải trả cho bà S tiền lãi của số tiền 1.150.000.000 đồng tính từ ngày 20/3/2022 đến ngày 20/12/2022 với số tiền là 8.625.000 đồng ($1.150.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} \times 10\%/1 \text{ năm} = 8.625.000 \text{ đồng}$).

[2.2] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 21/12/2022 đến ngày 22/01/2024 được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản tranh chấp là 46.873.740 đồng ($1.162.458.000 \text{ đồng}$, trong đó 800.000.000 là 36.000.000 đồng + 3% của số tiền 362.458.000 đồng là 10.873.740 đồng = 46.873.740 đồng). Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét miễn án phí cho bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận là 431.000 đồng ($8.625.000 \text{ đồng} \times 5\% = 431.000 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 275, 276, 280, 370, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Từ Thị S đối với bị đơn bà Lê Thị Đ về việc “*Tranh chấp chuyển giao nghĩa vụ*”.

- Buộc bà Lê Thị Đ trả cho bà Từ Thị S số tiền chuyển nghĩa vụ là 1.150.000.000 đồng và tiền lãi là 12.458.000 đồng, tổng cộng là 1.162.458.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Từ Thị S đối với bị đơn bà Lê Thị Đ về yêu cầu trả tiền lãi của số tiền 1.150.000.000 đồng từ ngày 20/3/2022 đến ngày 20/12/2022 là 8.625.000 đồng (*Tám triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Đ được miễn.

+ Bà Từ Thị S phải chịu 431.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi một nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 26.355.000 đồng. Trả lại cho bà S số tiền 25.924.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012227 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22-01-2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Vân

